

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 832/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kiều M**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T có đơn xin vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được bà Lê Thị Kiều M (nguyên đơn) trình bày:

Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T chung sống với nhau từ năm 2016 không có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2017, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã nhau. Bà M và ông T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà M yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Quốc T.

Về con chung: Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T có một con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016. Hiện trẻ L đang sống chung với bà M. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kiều M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đỗ Hoàng L và không yêu cầu ông Đỗ Quốc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận không có.

Tại Bản tự khai ngày 21/4/2023, bị đơn ông Đỗ Quốc T trình bày: Ông Đỗ Quốc T và bà Lê Thị Kiều M chung sống với nhau từ năm 2016 không tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã nhau. Ông T và bà M đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung: Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T có một con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016. Sau khi ly hôn, ông Đỗ Quốc T đồng ý giao trẻ L cho bà Lê Thị Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận bà Lê Thị Kiều M được ly hôn với ông Đỗ Quốc T. Về con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016. Giao trẻ L cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T. Về tài sản chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đỗ Quốc T. Ông Đỗ Quốc T cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt đương sự: Ông Đỗ Quốc T, bà Lê Thị Kiều M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kiều M, ông Đỗ Quốc T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[5]. Xét thấy bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều M về việc xin được ly hôn với ông Đỗ Quốc T.

[6] Về con chung: Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T có 01 con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016. Hiện trẻ L đang sống chung với bà M, sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và ông T cũng đồng ý giao trẻ L cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Kiều M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kiều M đối với ông Đỗ Quốc T.

Bà Lê Thị Kiều M được ly hôn với ông Đỗ Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T có 01 con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016. Giao trẻ Đỗ Hoàng L, sinh ngày: 21/11/2016 cho bà Lê Thị Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Quốc T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Lê Thị Kiều M và ông Đỗ Quốc T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0042623 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, bà M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định